TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Hà Minh.

2. Bà Lê Thị Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1069/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 216D đường C, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Minh N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 216D đường C, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2000, bà Đỗ Thị Ngọc T (viết tắt là bà T) và ông Lê Minh N (viết tắt là ông N) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thảo và ông Nhật sống chung tại số 216D đường C, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Từ năm 2017 đến nay, bà T và ông N sống ly thân. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho hai người, bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 con tên Lê Đỗ Minh Đ, sinh ngày 27/6/2002 (đã thành niên); Lê Đỗ Nhật Q, sinh ngày 27/5/2013.

Bà T yêu cầu được nuôi con Lê Đỗ Nhật Q, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: bà T tự khai có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: bà T tự khai không có.

Ngày 23/11/2023 bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T có lời khai xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu. Ông N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; về con chung: bà T được nuôi con Lê Đỗ Nhật Q, ghi nhận bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: bà T tự khai có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: bà T tự khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông N, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bà T, có cơ sở xác định bà T và ông N tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 23/11/2023 của Công an Phường A, quận P: đương sự ông Lê Minh N có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 216D đường C, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông N thường trú và thực tế cư trú tại quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông N là bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông N vắng mặt, nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 04/2000, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2000, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Ngọc T và ông Lê Minh N là hợp pháp. Theo bà T trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung là nguyên nhân chính làm cho cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc. Bà và ông N đã ly thân từ năm 2017. Bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên phải cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng ông N không đến Tòa trình bày nguyên nhân, những giải pháp tích cực để gia đình đoàn tụ. Nay bà T kiên quyết ly hôn, dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và động viên nhiều lần nhưng bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Căn cứ công văn số 10/UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Phú Nhuận, về việc trả lời văn bản số 1860/2023/TAPN ngày 23/11/2023 cho Tòa án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung như sau: Ủy ban chưa ghi nhận phản ánh liên quan đến mâu thuẫn gia đình bà Đỗ Thị Ngọc T và ông Lê Minh N. Nguyện vọng của bả T và ông N liên quan đến việc ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

Như đã phân tích phần trên, cuộc sống vợ chồng không còn sự yêu thương, tôn trọng và mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ.

- Về con chung: có 02 con tên Lê Đỗ Minh Đ, sinh ngày 27/6/2002 (đã thành niên); Lê Đỗ Nhật Q, sinh ngày 27/5/2013.

Bà T yêu cầu được nuôi con Lê Đỗ Nhật Q, trẻ Lê Đỗ Nhật Q có lời khai nguyện vọng muốn sống chung với bà T. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông N vắng mặt, không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản nên bà T đề nghị trực tiếp nuôi con Lê Đỗ Nhật Q được chấp nhận.

Ghi nhận bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: bà T tự khai có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: bà T tự khai không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Ngọc T ly hôn với ông Lê Minh N.

- Về con chung: có 02 con tên Lê Đỗ Minh Đ, sinh ngày 27/6/2002 (đã thành niên); Lê Đỗ Nhật Q, sinh ngày 27/5/2013.

Bà Đỗ Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Đỗ Nhật Q.

Ghi nhận bà Đỗ Thị Ngọc T không yêu cầu ông Lê Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị Ngọc T và ông Lê Minh N đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Tài sản chung: bà Đỗ Thị Ngọc T tự khai có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: bà Đỗ Thị Ngọc T tự khai không có.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Đỗ Thị Ngọc T chịu, được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Đỗ Thị Ngọc T tạm nộp theo biên lai thu số AA/2023/0022521 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.PN;
-CCTHADS Q.PN;
-UBND P1, Q.PN;
số 04/2000, quyển số 01, ngày 12/01/2000;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng